TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38 /2023/HNGĐ-ST
Ngày: 06/9/2023
V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Khắc Thái

Ông Nguyễn Văn Phiếu

- *Thư ký phiên tòa*:Ông Nguyễn Văn Bình Thư ký Toà án nhân dân huyện N

- *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thu Hòa– Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2023/TLST-HNGĐ ngày 16/5/2023;về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình H sinh năm 1964; Địa chỉ: Thôn T1, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình; (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T; sinh năm 1973; địa chỉ: Phố Đ, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Ninh Bình; (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện,bản tự khai, Nguyên đơn anh Nguyễn Đình H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh H và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu sau một thời gian anh chị đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 05/7/2017 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất hòa và anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Năm 2022 anh H đã sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên anh H làm đơn này đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: không có.

Về tài sản chung và công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt anh Nguyễn Đình H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T vì tình cảm anh chị không còn.

Về con chung không có. Về tài sản chung và công nợ chung anh H không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Như anh H trình bày trên là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng về việc vợ chồng sinh sống ở đâu giữa nhà chị T hay nhà anh H nên không có sảy ra mâu thuẫn Nay anh H làm đơn xin ly hôn chị T, chị Nguyễn Thị T không nhất trí với đề nghị của anh Nguyễn Đình H về việc đề nghị Tòa án cho anh chị được ly hôn vì tình cảm vợ chồng anh chị vẫn còn và có thể hàn gắn được nữa.

+ Về con chung: không có, không yêu cầu tòa án giải quyết

+ Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị T không có yêu cầu phản tố hay đề nghị gì khác.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Đình H về việc "Ly hôn" đối với chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Nguyễn Đình H với chị Nguyễn Thị T. Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, công nợ chung và tài sản chung: không có, Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Nguyễn Đình H phải nộp toàn bộ án phí ly hôn là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng*:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình giải

quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Đình H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 07/8/2023 là nguyên đơn anh Nguyễn Đình H có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; Khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

- Chị Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung*:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2017 tại UBND thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 36 ngày 05/7/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng anh H, chị T chung sống hòa thuận hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là vợ chồng bất hòa và anh chị không có tiếng nói chung. Trong thời gian sinh sống hai vợ chồng anh chị mâu thuẫn càng trầm trọng khiến không khí gia đình căng thẳng. Năm 2022 anh H đã sống ly thân cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan T đến cuộc sống của nhau nữa nên anh H đề nghị xin ly hôn chị T. hai vợ chồng anh Hvà chị T không chung sống với nhau chị T thì ở nhà chị T ở Phố Đồng T, thị trấn N, huyện N cho đến nay. Anh H thì ở nhà của mình ở xã Văn Phương, huyện N. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống ly thân chị T ở nhà của mình ở Phố Đồng T, thị trấn N, huyện N cho đến nay, không ai quan T đến cuộc sống của nhau; chính quyền địa phương nơi chị T cư trú cũng xác nhận có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện N, anh H và chị T không chung sống với nhau ở phố Đồng T, thị trấn N, huyện N. Đến nay anh H sinh sống ở xã Vân Phương, huyện N còn chị T vẫn sinh sống tại phố Đồng T, thị trấn N, huyện N. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của anh H, xử cho anh Nguyễn Đình H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2].Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: anh H và chị T không có do vậy Hội đồng xét xử không xem xét

[2.3].Về án phí:

- Án phí ly hôn: anh Nguyễn Đình H chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho anh Nguyễn Đình H được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị T. Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Đình H và chị Nguyễn Thị T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Đình H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000đ đã tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện N, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000269 ngày 16/5/2023.

Án xử công khai sơ thẩm anh H và chị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Ninh Bình;*
- *VKSND H. NQ;*
- *Chi cục THA H. NQ;*
- *UBND thị trấn NQ;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Lâm Thị Thanh Nhàn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn